

Bản án số: 56/2018/HNGĐ-ST

Ngày: 15/6/2018

V/v: “Ly hôn và nuôi con”

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ VINH LONG - TỈNH VINH LONG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Võ Tấn Thành

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Phạm Văn Tư

2. Bà Đặng Ngọc Thu

- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Thị Thùy Nương - Thư ký Toà án nhân dân thành phố Vinh Long, tỉnh Vinh Long.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Vinh Long tham gia phiên tòa: Không tham gia.

Ngày 15 tháng 6 năm 2018, tại Trụ sở Toà án nhân dân thành phố Vinh Long xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 105/2018/TLST-HNGĐ ngày 26 tháng 3 năm 2018, về việc “Ly hôn và nuôi con”, theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 339/2018/QĐXXST-HNGĐ ngày 11 tháng 5 năm 2018, giữa các đương sự:

*** Nguyên đơn:** Chị Nguyễn Thị X - sinh năm 1982; thường trú tại xã T, huyện L, tỉnh Vinh Long; tạm trú đường Đ, Phường T, thành phố V, tỉnh Vinh Long. (Có mặt)

*** Bị đơn:** Anh Nguyễn Xuân P - sinh năm 1971; tạm trú đường Đ, Phường T, thành phố V, tỉnh Vinh Long. (Vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện ngày 06/4/2018, cùng các lời khai trong quá trình giải quyết, cũng như tại phiên tòa sơ thẩm nguyên đơn Nguyễn Thị X trình bày:

Chị và anh Nguyễn Xuân P là vợ chồng, có đăng ký kết hôn vào ngày 23/01/2003 tại Ủy ban nhân dân Phường T, thị xã V (nay là thành phố V). Sau khi kết hôn vợ chồng sống hạnh phúc, nhưng đến năm 2013 thì phát sinh mâu thuẫn; nguyên nhân do bất đồng quan điểm, anh P không lo kinh tế gia đình, bao nhiêu tiền bạc tài sản thì anh P nắm giữ làm của riêng, đôi khi ăn nhậu về đánh đập vợ

con, xét thấy mục đích hôn nhân không đạt được, không thể hàn gắn được, nên chị X yêu cầu được ly hôn với anh P. Về con chung, có hai con chung tên Nguyễn Thị H, sinh ngày 29/11/2003 và Nguyễn Xuân Đ, sinh ngày 12/01/2012; sau khi ly hôn chị X yêu cầu nuôi dưỡng hai con chung và yêu cầu anh P cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 2.000.000đ/2con. Về tài sản chung và nợ chung tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn Nguyễn Xuân P không có bản ghi ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn và vắng mặt trong suốt quá trình giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Nguyên đơn yêu cầu xin ly hôn và nuôi con đối với bị đơn có địa chỉ tại thành phố Vĩnh Long; cho nên, đây là vụ án dân sự tranh chấp về hôn nhân và gia đình “Ly hôn và nuôi con”, thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Vĩnh Long theo quy định tại khoản 1 Điều 28, Điều 35 và Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Bị đơn Nguyễn Xuân P đã được Tòa án triệu tập hợp lệ tham dự phiên tòa lần thứ hai nhưng anh P vẫn cố tình vắng mặt không lý do; cho nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt anh P theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] Xét yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị X, Hội đồng xét xử thấy: Chị X và anh P chung sống với nhau như vợ chồng có đăng ký kết hôn nên được pháp luật thừa nhận là hôn nhân hợp pháp. Chị X cho rằng nguyên nhân mâu thuẫn là bất đồng quan điểm trong cuộc sống, anh P không lo kinh tế gia đình; cho nên, chị cương quyết xin được ly hôn với anh P. Riêng anh P đã biết chị X xin ly hôn nhưng anh không có ý kiến phản đối và cũng không đến tham gia phiên tòa, không quan tâm và bỏ mặc cho chị X tự giải quyết. Xét thấy, tình cảm vợ chồng giữa chị X và anh P mâu thuẫn đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được; do đó, chị X yêu cầu được ly hôn với anh P là có cơ sở chấp nhận phù hợp với Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2015.

[4] Về quan hệ con chung: Chị X và anh P có hai con chung tên Nguyễn Thị H, Nguyễn Xuân Đ, chị X yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng cả hai cháu, nhưng anh P không có ý kiến phản đối. Xét thấy, chị X yêu cầu là phù hợp với nguyện vọng và đảm bảo quyền lợi về mọi mặt của hai cháu, phù hợp với Điều 81 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[5] Xét yêu cầu cấp dưỡng nuôi con của chị X, Hội đồng xét xử thấy: Hai cháu H và Đ đều đang ở độ tuổi đi học, trưởng thành và phát triển, mọi nhu cầu sinh hoạt, học tập đều tăng, mặt khác, giá cả thị trường cũng luôn biến động theo chiều hướng tăng, cho nên, chị X rất cần các phí tổn để nuôi dưỡng. Do đó, chị X yêu cầu anh P phải cấp dưỡng nuôi con mỗi cháu một tháng bằng 1.000.000đ là có cơ sở chấp nhận, phù hợp với Điều 110 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

[6] Về tài sản chung và nợ chung: Chị X không yêu cầu giải quyết, nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[7] Về án phí: Chị Nguyễn Thị X chịu 300.000 đồng (Ba trăm ngàn đồng) án phí dân sự sơ thẩm đối với yêu cầu xin ly hôn và anh Nguyễn Xuân P chịu 300.000 đồng (Ba trăm ngàn đồng) án phí dân sự sơ thẩm đối với yêu cầu cấp dưỡng nuôi con theo quy định tại điểm a khoản 5 và điểm a khoản 6 Điều 27 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 110, Điều 116, Điều 117 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015 và điểm a khoản 5 và điểm a khoản 6 Điều 27 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Nguyễn Thị X. Chị X **được ly hôn với anh Nguyễn Xuân P.**

2. Về con chung: Giao hai con chung tên **Nguyễn Thị H, sinh ngày 29/11/2003 và Nguyễn Xuân Đ, sinh ngày 12/01/2012 cho chị X nuôi dưỡng. Buộc anh Nguyễn Xuân P có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi hai cháu H và Đ mỗi tháng 1.000.000đ/01con, cho đến khi các con đủ 18 tuổi.**

Anh P có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở; trường **hợp anh P** lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục thì chị X có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con **của người anh P.**

Vì lợi ích của con trẻ khi cần thiết có thể thay đổi quyền nuôi con hoặc mức cấp dưỡng cho con.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

3. Về tài sản chung và nợ chung: Không yêu cầu giải quyết, nên không xem xét giải quyết.

4. Về án phí: Buộc chị Nguyễn Thị X và anh Nguyễn Xuân P mỗi người nộp 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng) án phí dân sự sơ thẩm. Nhưng chị X được khấu trừ vào số tiền 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng) tạm ứng án phí theo biên lai thu số

0003731, ngày 15/3/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố V, nên chị X không phải nộp thêm.

Báo cho nguyên đơn biết, được quyền kháng cáo bản án này trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7 và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nơi nhận:

- TAND tỉnh VL;
- VKSND cùng cấp;
- Chi cục THA TPVL;
- Các đ/s.
- Ủy ban nhân dân Phường T,
TP. Vĩnh Long;
- Lưu: VT,...

Võ Tấn Thành